

PHỤ LỤC 1
Tiêu chí của ngành, chuyên ngành cận kề chuẩn quốc tế

TT	Các tiêu chí và chỉ số cận kề	Chỉ số của đơn vị tại thời điểm hiện tại	Chỉ số dự kiến của đơn vị sau khi đề án thành phần kết thúc	Chỉ số theo nhóm 200 trường hàng đầu thế giới	Chỉ số xếp hạng của QS/THES
1	Đội ngũ cán bộ khoa học, giảng viên				
1.1	Tỉ lệ sinh viên/giảng viên			tối đa là 12/1	
1.2	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên			100%	
1.3	Tỉ lệ giảng viên có thể giảng dạy được bằng tiếng Anh			100%	
1.4	Tỉ lệ giảng viên giáo sư/phó giáo sư			tối thiểu 30%	
2	Hệ thống chương trình đào tạo				
2.1	Chương trình đào tạo đã được kiểm định (bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội, các hệ thống khác)			Đạt chuẩn của trường đại học đối tác	
2.2	Đã và đang liên kết, hợp tác, sử dụng chương trình đào tạo (gồm có chương trình và bộ học liệu) của các đại học tiên tiến trên thế giới				
2.3	Số môn học trong chương trình đào tạo đã được			100%	

	giảng dạy bằng tiếng Anh				
3	Hệ thống, cơ chế, phương pháp quản trị đại học tiên tiến				
3.1.	Danh mục các quy trình quản trị đại học đã được thực hiện theo chuẩn ISO				
3.2.	Số lượng và danh mục các quy trình/công tác quản lý được tin học hóa				
4	Hệ thống cơ sở dữ liệu (ở dạng in và dạng điện tử) theo dạng chuẩn do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định				
4.1.	Hệ thống các văn bản quản lý, điều hành liên quan đến Nhiệm vụ chiến lược				
4.2.	Các thông tin, báo cáo, các sản phẩm, kết quả dữ liệu khác				
5	Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị				
5.1	Phòng học chuẩn; phòng thực hành/thực tập				
5.2	Hệ thống phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu				
5.3	Hạ tầng CNTT				
5.4	Hệ thống học liệu (số đầu				

	sách, tài liệu tham khảo)				
5.5	Tài nguyên số công bố và xuất bản trên cổng thông tin của Đại học Quốc gia Hà Nội và đơn vị			5 tài liệu/giảng viên/năm	
5.6	Mức độ đầu tư cho thư viện			01 thư mục/sinh viên/năm	
6	Chất lượng sản phẩm đào tạo (cử nhân, kỹ sư/thạc sĩ/tiến sĩ)				
6.1.	Có đạo đức tốt, trình độ, năng lực, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, đáp ứng yêu cầu kinh tế - xã hội và thị trường lao động quốc tế				
6.2.	Chuẩn tiếng Anh			Đạt chuẩn 6.0 IELTS hoặc tương đương	
6.3	Tỷ lệ người học nhận được học bổng tiếp tục học tập ở nước ngoài hoặc làm việc ở các cơ quan/doanh nghiệp có uy tín trong và ngoài nước ngay sau khi tốt nghiệp			> 25%	
6.4.	Số người học được đi thực tập, trao đổi ở nước ngoài				
7	Chất lượng và sản				

	phẩm hoạt động khoa học công nghệ				
7.1	Số bài báo đăng trên tạp chí khoa học ISI...			01/công trình/cán bộ khoa học/năm	
7.2	Số lần được trích dẫn (lần/công trình/năm)			Ít nhất 01/công trình/năm	
7.3	Số các nhà khoa học có báo cáo mời, trình bày tại các hội nghị khoa học quốc tế			ít nhất 01/chuyên ngành/năm	
7.4	Số sách chuyên khảo			01 sách/chuyên ngành/năm (trong đó có 01 sách/chuyên ngành/5 năm xuất bản bằng tiếng nước ngoài)	
7.5	Số bằng phát minh sáng chế hoặc giải thưởng khoa học và công nghệ (hoặc số lượng các sản phẩm khoa học và công nghệ tiêu biểu, tư vấn hoạch định chính sách, giải pháp hữu ích...)			01/ngành hoặc chuyên ngành/năm	
7.6	Số chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ hợp tác với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương			01/ngành hoặc chuyên ngành/3 năm	
8	Hiệu quả hợp tác trong và ngoài nước				

8.1	Tỉ lệ giảng viên quốc tế (số giảng viên quốc tế/số giảng viên Việt Nam)			10%	
8.2	Tỉ lệ sinh viên quốc tế (số sinh viên quốc tế/số sinh viên Việt Nam)			05%	
8.3	Tỉ lệ giảng viên đi trao đổi nước ngoài (số giảng viên đi trao đổi/tổng số giảng viên)			25%	
8.4	Tỉ lệ sinh viên đi trao đổi nước ngoài (số sinh viên đi trao đổi/tổng số sinh viên cùng khoá)			10%	
8.5	Số các môn học giảng dạy bằng tiếng Anh (trừ các môn lý luận chính trị, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng an ninh)			100%	
8.6	Số lượng các chương trình, đề tài hợp tác với các trường đại học nước ngoài trong nhóm 500 của thế giới			01/ngành hoặc chuyên ngành/3 năm	
8.7	Số học giả quốc tế đánh giá và thừa nhận			Tối thiểu 03/ngành hoặc chuyên ngành/lần khảo sát của tổ chức xếp hạng đại học thế giới	
8.8	Đánh giá và thừa nhận của các nhà tuyển dụng trong nước và quốc tế			03/ ngành hoặc chuyên ngành/lần khảo sát của của tổ chức xếp hạng đại học	

				thế giới.	
9	Sự cần thiết phát triển ngành, chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế				
9.1	Mức độ yêu cầu tự thân đạt chuẩn quốc tế của ngành, chuyên ngành			100%	
9.2	Cam kết của lãnh đạo về sẵn sàng, quyết tâm, trách nhiệm cao của đội ngũ cán bộ thực hiện Nhiệm vụ chiến lược và Quy định này			100%	
9.3	Thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ cao, kinh tế - xã hội mũi nhọn; đóng vai trò cơ bản, tiên phong cho bước phát triển đột phá của ngành, chuyên ngành				
9.4	Thuộc các hướng ưu tiên của Nhà nước/đặc thù của Đại học Quốc gia Hà Nội/đáp ứng nhu cầu cao của xã hội				
9.5	Góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia và uy tín quốc tế của đơn vị và của Đại học Quốc gia Hà Nội, có tác động lan tỏa,				

	thúc đẩy các ngành/chuyên ngành khác phát triển đạt chuẩn quốc tế				
10	Các tiêu chí khác theo đặc thù của đề án thành phần				